

IRREGULAR VEBS

INFINITIVE (V1)	PAST (V2)	PAST PARTICIPLE (V3)	MEANING
1. Keep			giữ, cất
2. Learn			học
3. Leave			rời khỏi, để lại
4. Lend			cho vay, cho mượn
5. Light			thắp sáng
6. Lose			mất, thất lạc
7. Make			làm, chế tạo
8. Mean			có nghĩa là
9. Meet			gặp
10. Misunderstand			hiểu lầm, không hiểu
11. Pay			trả, trả tiền
12. Say			nói chuyện
13. Sell			bán
14. Send			gửi
15. Shine			chiếu sáng
16. Shoot			bắn
17. Sit			ngồi
18. Sleep			ngủ
19. Smell			ngửi
20. Speed			chạy tốc độ cao

.....**HẾT**.....